

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định quy định chính sách
giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số .../2025/ QH15 ngày ... tháng
6 năm 2025 của Quốc hội**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ về dự thảo Nghị định quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo Nghị quyết số .../2025/ QH15 ngày ... tháng 6 năm 2025 của Quốc hội (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày .../6/2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số .../2025/QH15 về giảm thuế GTGT. Tại Nghị quyết quy định giảm 2% thuế suất thuế GTGT, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 của Quốc hội (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản phẩm kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than), sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng). Thời gian áp dụng từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026. Giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

Điểm e khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định trường hợp được ban hành VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn như sau: “e) Trường hợp ban hành văn bản quy định chi tiết của văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt”.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Đánh giá tình hình thực hiện giảm 2% thuế suất thuế GTGT trong 6 tháng đầu năm 2025 theo Nghị quyết số 174/2024/QH15

Trong 6 tháng đầu năm 2025, Quốc hội đã quyết nghị tiếp tục giảm 2% thuế suất thuế GTGT đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a mục 1.1 khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/6/2025 và đã được

Chính phủ hướng dẫn tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 174/2024/QH15.

Trong 5 tháng đầu năm 2025, số thuế GTGT được giảm theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ước khoảng 19.500 tỷ đồng.

Theo thông tin về diễn biến kinh tế - xã hội thời gian qua cho thấy nhiều điểm tích cực:

Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2025: Tổng sản phẩm trong nước quý I/2025 ước tính tăng 6,93% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức tăng cao nhất so với quý I các năm trong giai đoạn 2020 - 2025¹; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 2.851,4 nghìn tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước; CPI tăng 3,21% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,10%. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 355,79 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,0%; nhập khẩu tăng 17,5%². Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 4,67 tỷ USD. Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) 5 tháng đầu năm 2025 ước đạt 1.139,6 nghìn tỷ đồng, bằng 57,9% dự toán năm và tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước.

Từ kết quả đạt được nêu trên, có thể đánh giá rằng, chính sách giảm thuế GTGT 2% đã góp phần giúp giảm giá thành thông qua doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế GTGT dẫn đến giảm giá bán của hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng, từ đó thúc đẩy sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tiêu dùng của người dân, góp phần tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động và đạt được mục tiêu đề ra khi xây dựng chính sách giảm thuế GTGT là kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

Bên cạnh những kết quả đạt được là cơ bản, nền kinh tế nước ta còn những hạn chế, bất cập và tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Ổn định kinh tế vĩ mô còn tiềm ẩn rủi ro. Các động lực tăng trưởng chưa có sự bứt phá rõ nét theo yêu cầu tăng trưởng đặt ra như hoạt động sản xuất kinh doanh còn gặp khó khăn, chi phí sản xuất còn cao, sức mua trong nước đã được cải thiện nhưng còn chậm, đặc biệt là việc Hoa Kỳ công bố áp thuế đối ứng với các nước, trong đó có Việt Nam. Tổng cầu tiêu dùng trong nước được xem là một động lực quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Đối tượng giảm 2% thuế suất thuế GTGT theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 đã được hướng dẫn cụ thể tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP và là các đối tượng kế thừa theo quy định tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15, Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số

¹ Tốc độ tăng GDP quý I so với cùng kỳ năm trước các năm 2020 – 2025 lần lượt là: 3,21%; 4,85%; 5,42%; 3,46%; 5,98% và 6,93%.

² Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 5 tháng đầu năm 2024 đạt 307,57 tỷ USD, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 158,14 tỷ USD, tăng 16,2%; nhập khẩu đạt 149,43 tỷ USD, tăng 18,7%.

101/2023/QH15, Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 110/2023/QH15, Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 142/2024/QH15. Trong quá trình thực hiện Nghị định số 180/2024/NĐ-CP có phát sinh một số vướng mắc về việc xác định: một số hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế GTGT; một số hàng hoá, dịch vụ được giảm thuế; việc áp dụng giảm thuế GTGT chưa được thống nhất tại khâu nhập khẩu và sản xuất, tiêu thụ.

Các văn bản trả lời của Cục Thuế, Chi cục thuế khu vực tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các văn bản trả lời, hướng dẫn giải quyết vướng mắc cho các đơn vị, doanh nghiệp về xác định hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế cũng như không được giảm thuế GTGT trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 (Nghị định số 15/2022/NĐ-CP), Nghị quyết số 101/2023/QH15 (Nghị định số 44/2023/NĐ-CP), Nghị quyết số 110/2023/QH15 (Nghị định số 94/2023/NĐ-CP), Nghị quyết số 142/2024/QH15 (Nghị định số 72/2024/NĐ-CP) vẫn được tham khảo trong việc thực hiện Nghị quyết số 174/2024/QH15 (Nghị định số 180/2024/NĐ-CP) trong 6 tháng đầu năm 2025.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Kích cầu tiêu dùng, phù hợp với bối cảnh kinh tế hiện nay, qua đó thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh sớm phục hồi và phát triển để đóng góp trở lại cho NSNN cũng như nền kinh tế để thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Bám sát nội dung chính sách nêu tại Nghị quyết số .../2025/QH15 ngày .../6/2025.

- Đảm bảo minh bạch, dễ thực hiện nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Căn cứ quy định tại Điều 50 và Điều 51 Luật Ban hành VBQPPL số 64/2025/QH15 về trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn, Bộ Tài chính đã tiến hành xây dựng dự thảo Nghị định theo quy trình trình tự, thủ tục rút gọn, cụ thể:

- Dự thảo Nghị định đã được gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, tổ chức liên quan, đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để xin ý kiến các tổ chức, cá nhân.

- Hồ sơ dự thảo Nghị định đã được gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

- Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định.
- Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định và có Báo cáo tiếp thu, giải trình (kèm theo).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết số .../2025/QH15 ngày .../6/2025 về giảm thuế GTGT quy định giảm 2% thuế suất thuế GTGT, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 của Quốc hội (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản phẩm kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than), sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng). Thời gian áp dụng từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026. Giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

Do vậy, Nghị định này điều chỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản phẩm kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than), sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng) trong 6 tháng cuối năm 2025 và cả năm 2026.

1.2. Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, cung ứng dịch vụ và nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.
- Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Bố cục

Bố cục dự thảo Nghị định gồm 02 Điều:

- Điều 1. Giảm thuế GTGT.
- Điều 2. Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Nội dung dự thảo Nghị định lần này trên cơ sở kế thừa hầu hết nội dung tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ trước đây, đồng thời sửa đổi, bổ sung một số nội dung về giảm thuế GTGT để phù hợp với quy định tại Nghị quyết lần này. Nội dung cụ thể như sau:

“Điều 1. Giảm thuế giá trị gia tăng

1. Giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

a) Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản phẩm kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than). Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng). Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I và II ban hành kèm theo Nghị định này thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và không được giảm thuế giá trị gia tăng.

2. Mức giảm thuế giá trị gia tăng

a) Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Đối với cơ sở kinh doanh quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, khi lập hóa đơn giá trị gia tăng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng, tại dòng thuế suất thuế giá trị gia tăng ghi “8%”; tiền thuế giá trị gia tăng; tổng số tiền người mua phải thanh toán. Căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng, cơ sở kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra, cơ sở kinh doanh mua hàng hóa, dịch vụ kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo số thuế đã giảm ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.

b) Đối với cơ sở kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, khi lập hóa đơn bán hàng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng, tại cột “Thành tiền” ghi đầy đủ tiền hàng hóa, dịch vụ trước khi giảm, tại dòng “Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ” ghi theo số đã giảm 20% mức tỷ lệ % trên doanh thu, đồng thời ghi chú: “đã giảm... (số tiền) tương ứng 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số .../2025/QH15”.

4. Trường hợp cơ sở kinh doanh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ áp dụng các mức thuế suất khác nhau thì trên hóa đơn giá trị gia tăng phải ghi rõ thuế suất của từng hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp cơ sở kinh doanh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì trên hóa đơn bán hàng phải ghi rõ số tiền được giảm theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp cơ sở kinh doanh đã lập hóa đơn và đã kê khai theo mức thuế suất hoặc mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng chưa được giảm theo quy định tại Nghị định này thì người bán và người mua xử lý hóa đơn đã lập theo quy định pháp luật về hóa đơn, chứng từ. Căn cứ vào hóa đơn sau khi xử lý, người bán kê khai điều chỉnh thuế đầu ra, người mua kê khai điều chỉnh thuế đầu vào (nếu có).

6. Cơ sở kinh doanh quy định tại Điều này thực hiện kê khai các hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng theo Mẫu số 01 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này cùng với Tờ khai thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

2. Các bộ theo chức năng, nhiệm vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan liên quan triển khai tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát để người tiêu dùng hiểu và được thụ hưởng lợi ích từ việc giảm thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 1 Nghị định này, trong đó tập trung các giải pháp ổn định cung cầu hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng nhằm giữ bình ổn mặt bằng giá cả thị trường (giá chưa có thuế giá trị gia tăng) từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc giao Bộ Tài chính hướng dẫn, giải quyết.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này”.

Về các Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở kế một phần Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, trong đó đã loại trừ hàng hoá, dịch vụ được mở rộng theo quy định tại Nghị quyết số .../2025/QH15 ngày .../6/2025 của Quốc hội. Riêng đối với Phụ lục II, do Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) dự kiến được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XV và chưa rõ thời điểm Luật có hiệu lực thi hành nên Bộ Tài chính bổ sung nội dung Danh mục hàng hoá, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thành 02 mục (mục I là hàng hoá, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt giai đoạn từ ngày 01/7/2025 đến trước ngày Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2025 có hiệu lực, mục II là hàng hoá, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ ngày Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2025 có hiệu lực thi hành) không thuộc đối tượng được giảm thuế GTGT vào Phụ lục II. Bên cạnh đó, do sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin thuộc trường hợp được giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số .../2025/QH15 nên Phụ lục III được lược

bỏ để phù hợp với quy định tại Nghị quyết. Thay vào đó, Phụ lục IV (Mẫu đề nghị giảm thuế GTGT) sẽ được chuyển thành Phụ lục III.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị định như sau:

Việc triển khai thực hiện Nghị định do người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế (cơ quan thuế và cơ quan hải quan) thực hiện, không phát sinh thêm chi phí cho người nộp thuế. Cơ quan quản lý thuế thì thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ nên đã được NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động. Vì vậy, dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị định gồm:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.
- Từ các nguồn lực hợp pháp khác.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định:

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị định: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị định và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị định kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể để cơ quan thuế và cơ quan hải quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị định.

3. Về thời gian trình ban hành: Trình Chính phủ xem xét, thông qua trước ngày 01/7/2025 để kịp thời triển khai chính sách.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số .../2025/QH15 ngày .../6/2025 của Quốc hội. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin trình kèm: 1. Dự thảo Nghị quyết; 2. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; 3. Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định; 4. Bản tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về dự án Nghị quyết).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CST (GTGT).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn